| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG MỸ**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 01- 2024
"V/v Tranh chấp ly hôn,nuôi con,"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Minh Chánh.

*Các Hội Thẩm nhân dân*:

1.Ông: Lâm Quang Sô.

2.Bà: Đỗ Thị Giờ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023, về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05 /2024/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Dương Thị M, sinh năm 1988 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Thành, xã Long Hưng, huyện MT, tỉnh ST.
-*Bị đơn:* Anh Trương Tuấn A sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã Lương Nghĩa, huyện LM, tỉnh HG.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị Mí (gọi tắt chị Mí) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Trương Tuấn A quen biết nhau khi đi làm ở Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 02/03/2015 theo quy định, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị M và anh Tuấn A sống chung hạnh phúc đến năm 2022, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống với nhau không có tiếng nói chung, tình cảm không hoà hợp nhau. Nên chị Mí và anh Tuấn Anh đã ly thân với nhau từ ngày 02 tháng 09 năm 2022 đến nay. Xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị Mí yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn Anh.

Về con chung: Có 02 đứa con tên Trương Gia B (giới tính nam), sinh ngày 02/10/2013 và Trương Thị Phi N (giới tính nữ), sinh ngày 16/8/2019. Hiện 02 đứa đang sống chung với chị M.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Tuấn A đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị M và Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tuấn A để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Tuấn A.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Dương Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Trương Tuấn A, đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn anh Trương Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Tuấn Anh nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi cho anh Tuấn A theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Tuấn A quen nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định pháp luật. Chị M cho rằng vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả và anh chị cũng không còn sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 02 tháng 09 năm 2022 đến nay. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, thời gian ly thân kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mí.

[2.2]. Về con chung: Xét thấy từ khi chị M và anh Tuấn A ly thân cho đến nay 02 đứa con tên Trương Gia B và Trương Thị Phi N chung sống với chị M và được chị Mí chăm sóc chu đáo, hơn nữa tại bản tự khai ngày 21/12/2023 cháu Trương Gia Bảo cũng có nguyện vọng sống với chị M. Nên Hội đồng xét xử thống nhất cho chị M được tiếp tục nuôi 02 đứa con Trương Gia B và Trương Thị Phi N, do chị M chưa yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con nên anh Tuấn A chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Dương Thị Mí phải nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị M đối với bị đơn anh Trương Tuấn A. Cho nguyên đơn chị Dương Thị M được ly hôn với bị đơn anh Trương Tuấn A.

2. Về con chung: Chị Dương Thị M được tiếp tục nuôi 02 đứa con tên Trương Gia B (giới tính nam), sinh ngày 02/10/2013 và Trương Thị Phi N (giới tính nữ), sinh ngày 16/8/2019, do chị M chưa yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con, nên anh Tuấn A chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Dương Thị M phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0000794 phiếu lập ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Hậu Giang;
-VKSND huyện Long Mỹ;
-Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
-UBND xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, ST;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Minh Chánh**